TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lương

Ông Đỗ Văn Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1991; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã K, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng D, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 01 năm 2018 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, chị Trần Thị T (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trọng D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương,

có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 09 tháng 9 năm 2009. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống và lối sống, thường xuyên xảy ra đánh và cãi nhau, anh D mải chơi không quan tâm đến gia đình và vợ con dẫn đến ảnh hưởng rất lớn đến tình cảm cũng như cuộc sống chung vợ chồng. Từ năm 2015, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, sâu sắc, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân khoảng 02 tháng. Sau đó gia đình hai bên và bạn bè đã tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng và cùng chung sống đến cuối năm 2017. Nhưng do anh D không thay đổi tính cách, lối sống, quan điểm sống nên cuối năm 2017 chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn V, xã Q, huyện T1, thành phố Hải Phòng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng và sâu sắc đến mức không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng D.

Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trọng D có hai con chung tên Nguyễn Trọng P sinh ngày 13 tháng 8 năm 2009 và Nguyễn Trọng Nhật N sinh ngày 05 tháng 03 năm 2012. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung tên Nam và đề nghị giao con chung tên Phong cho anh D nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị để chị và anh D tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trọng D không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 16 tháng 3 năm 2018 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, bị đơn là anh Nguyễn Trọng D trình bày: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Tuy nhiên anh trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống hạnh phúc tại Thôn A, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Đến năm 2015 vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh mải chơi, không quan tâm đến gia đình, hai bên hay xảy ra xích mích với nhau. Đến cuối năm 2017 chị T bỏ về nhà bố mẹ để sống ly thân đến nay và anh đã gặp gỡ chị T nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm đồng thời không muốn ly hôn làm ảnh hưởng đến nuôi dạy con chung. Về con chung anh chị có hai con chung như chị T trình bày là đúng. Trong trường hợp hai vợ chồng ly hôn, anh xin nhận nuôi cả hai con chung vì từ khi ly thân 02 con chung vẫn đang sống ổn định, khỏe mạnh bình thường với anh. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh đề nghị để anh và chị T tự

thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung anh D trình bày anh chị T không có tài sản chung, không có đề nghị gì.

Chị Trần Thị T đã nộp cho Tòa án: Bản sao Giấy kết hôn số 87 ngày 09 tháng 9 năm 2009; Sổ hộ khẩu; Chứng minh nhân dân; 02 Giấy khai sinh của các con chung để chứng minh cho yêu cầu của mình. Anh Nguyễn Trọng D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 112/TB-TA ngày 16/3/2018 và đã tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 28/3/2018 và đã không cung cấp thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình, không có ý kiến, quan điểm gì đối với các tài liệu, chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và không bổ sung gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại buổi hòa giải ngày 28/3/2018 chị T và anh D đã thống nhất với nhau về quá trình kết hôn, chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, quá trình sống ly thân của hai vợ chồng. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, quá trình ly thân nhiều lần nên vẫn giữ nguyên các yêu cầu ban đầu như trong đơn khởi kiện. Anh D trình bày không đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con. Anh D giữ nguyên các quan điểm, ý kiến của mình về con chung và về tài sản chung như trong bản tự khai ngày 16/3/2018 trước đây của anh.

Trong vụ án này: Lời trình bày của chị Trần Thị T về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà chị giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, anh D không có ý kiến gì khác nên đó là sự thật và thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản, công nợ chung phát sinh từ quan hệ hôn nhân, chị T, anh D khai nhận không có và không yêu cầu nên không đặt vấn đề phải chứng minh. Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu điều tra thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T và anh D được ly hôn. Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung tên Nguyễn Trọng P sinh ngày 13 tháng 8 năm 2009 và Nguyễn Trọng Nhật N sinh ngày 05 tháng 03 năm 2012. Con chung Nguyễn Trọng P có nguyện vọng tiếp tục được ở với cha khi ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cho chị T được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trọng Nhật N và giao cho anh D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trọng P. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị T và anh D tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung chị T và anh D trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị T và anh D được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Chị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh D đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh D.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trọng D được xác lập vào năm 2009 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, lối sống, anh D mải chơi không quan tâm đến gia đình, vợ con và hiện nay không còn tồn tại cuộc sống chung, giữa hai người ly thân từ cuối năm 2017 cho tới nay. Mặc dù bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần tới phiên tòa nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do điều đó chứng tỏ giữa hai người không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn sâu sắc đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên sống ly thân đã lâu không còn khả năng đoàn tụ vợ chồng nên chị Trần Thị T xin

ly hôn với anh Nguyễn Trọng D. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T với anh Nguyễn Trọng D.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị T và chị Nguyễn Trọng D có có 02 con chung tên Nguyễn Trọng P sinh ngày 13 tháng 8 năm 2009 và Nguyễn Trọng Nhật N sinh ngày 05 tháng 03 năm 2012. Xét thấy, con chung Nguyễn Trọng P có lời khai thể hiện nguyện vọng tiếp tục được ở với anh D khi ly hôn và hiện vẫn đang sinh sống ổn định với anh D, con chung Nguyễn Trọng Nhật N sinh ngày 05 tháng 03 năm 2012 còn nhỏ tuổi chị T có yêu cầu xin làm người trực tiếp nuôi, chị T và anh D đều có công việc thu nhập, thời gian và nơi cư trú ổn định đảm bảo được việc nuôi dưỡng cho từng con chung nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên Nguyễn Trọng Nhật N cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Nguyễn Trọng P cho anh Nguyễn Trọng D trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị T và anh D không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trọng D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trọng D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trọng Nhật N sinh ngày 05 tháng 03 năm 2012 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Nguyễn Trọng P sinh ngày 13 tháng 8 năm 2009 cho anh Nguyễn Trọng D trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly

hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trọng D tự thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Trọng D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0008803 ngày 09 tháng 3 năm 2018; Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T, anh Nguyễn Trọng D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã K, huyện T1;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Vân